

Bản án số **111/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/6/2022.

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Yên.
2. Ông Tường Duy Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Định, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Bách T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 19/5/2022, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị B trình bày:

Chị Bích và anh T kết hôn với nhau từ ngày 09/3/2006, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn hai anh chị ra ở riêng thuê nhà ở mở quán làm ăn.

Cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc nguyên nhân là do tính tình không hợp với nhau trong cách làm ăn. Đến ngày 22/3/2013 anh T vi phạm pháp luật bị bắt hiện phải thi hành án là 20 năm tù.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Bích có đơn xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống hai anh chị có với nhau 01 con chung cháu Lê Đỗ Nhật H, sinh ngày 06/11/2006. Nếu ly hôn, chị Bích xin được nuôi cháu H, không đề nghị anh T phải góp tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Bích xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Lê Bách T khai.

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung anh nhất trí như chị Bích đã khai.

Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nguyện vọng của anh T xin được đoàn tụ gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung anh T xác định hai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Do anh không nhất trí ly hôn nên anh không viết đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, cung cấp đúng địa chỉ nơi anh T chấp hành án.

Bị đơn cũng đã được Tòa án thực hiện việc giao nộp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp, không có ý kiến gì.

Anh Lê Bách T đã có bản tự khai, trình bày nguyện vọng của bản thân, mặc dù anh T không có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng điều đó cho thấy anh T cố tình gây khó khăn cho chị Bích trong việc giải quyết việc ly hôn.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự thấy rằng anh Lê Bách T không có đơn yêu cầu phản tố, do đó Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu

vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử cho chị Đỗ Thị B được ly hôn với anh Lê Bách T.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lê Đỗ Nhật H, sinh ngày 06/11/2006. Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Lê Bách T.

Về tài sản chung, nợ chung: Do hai đương sự đều xác định không có nên không đề cập việc giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện, đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn.

Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng về tình cảm, về con chung, quan điểm của mình về tài sản chung, nợ chung.

Mặc dù anh T không có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng đánh giá khách quan cho thấy anh T cố tình gây khó khăn cho chị Bích trong việc giải quyết ly hôn.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự thấy rằng anh Lê Bách T sau khi đã được tiếp cận công khai chứng cứ, đã được giải thích nhưng anh T không có đơn yêu cầu phản tố, do đó Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bích và anh T đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án thời gian dài (20 năm tù), từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, xét

thấy không thể tiếp tục duy trì được nữa nên chị Bích có đơn xin ly hôn với anh T, mặc dù anh T không nhất trí.

Xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho hai anh chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Bích và anh T có với nhau 01 cháu là Lê Đỗ Nhật H, sinh ngày 06/11/2006 hiện dưới 18 tuổi, chị Bích xin được nuôi cháu H, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với chị Bích, xét thấy anh T đang phải thi hành án không có điều kiện để nuôi dưỡng giáo dục cháu H, nên cần giao cho chị Bích nuôi dưỡng giáo dục cháu H là phù hợp với nguyện vọng của cháu H, việc chị Bích không đề nghị anh T phải góp tiền nuôi con cùng chị, xét là phù hợp, cần chấp nhận, nên không đề cập việc giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung quá trình giải quyết, chị Bích và anh T đều xác định không có tài sản chung nên không đề cập việc giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Đỗ Thị B được ly hôn với anh Lê Bách T.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Đỗ Nhật H, sinh ngày 06/11/2006 cho chị Đỗ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Do chị Đỗ Thị B không yêu cầu anh Lê Bách T phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng với chị nên không đề cập việc giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung chị Đỗ Thị B không yêu cầu anh Lê Bách T điều xác định không có nên không đề cập việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí DS/ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001764, ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn anh Lê Bách T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án DS Mộc Châu;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

Các hội thẩm

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mộc Châu, ngày 20 tháng 6 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yên và ông Tường Duy Bình.

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi ... giờ ... phút ngày 20/6/2022, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: xin ly hôn giữa.

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Bách T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. HĐXX thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết, quyết định các nội dung cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử cho chị Đỗ Thị B được ly hôn với anh Lê Bách T.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đỗ Nhật H, sinh ngày 06/11/2006 cho chị Đỗ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Do chị Đỗ Thị B không yêu cầu anh Lê Bách T phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng với chị nên không đề cập việc giải quyết.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

4. Về tài sản chung, nợ chung chị Đỗ Thị B không yêu cầu anh Lê Bách T điều xác định không có nên không đề cập việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí DS/ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001764, ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn anh Lê Bách T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Biên bản lập xong đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe lại đúng như đã nghị án, nhất trí ký tên.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Các hội thẩm

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

